

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

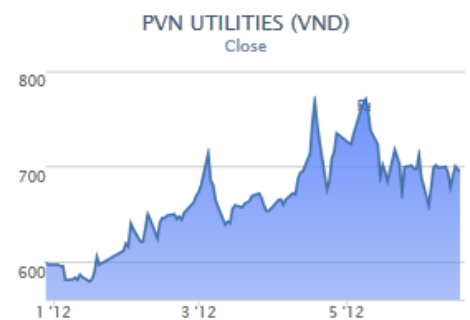
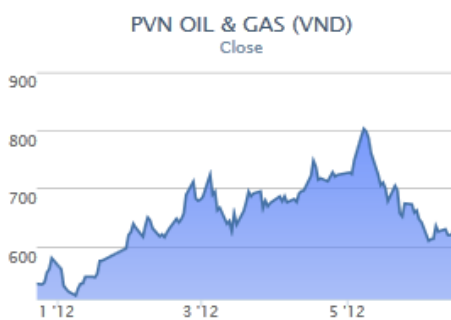


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	861.28	↑ 7.97	↑ 0.93
PVN All-Share Continuous	716.59	↑ 5.96	↑ 0.84
PVN All-Share	695.69	↑ 6.01	↑ 0.87
PVN All-Share HSX	735.62	↑ 8.21	↑ 1.13
PVN All-Share HNX	647.2	↑ 1.44	↑ 0.22
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1008.7	↓ -5.8	↓ -0.57
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	901.41	↑ 35.21	↑ 4.07
PVN Tài Chính	683.8	↑ 18.93	↑ 2.85
PVN Công Nghiệp	578.76	↑ 0.33	↑ 0.06
PVN Dầu Khí	647.3	↑ 5.17	↑ 0.8
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	691.31	↓ -8.89	↓ -1.27

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	435.60 ↑	2.51	0.58%
KLGD (triệu ck)	59.25 ↓	-13.40	-18.45%
GTGD (tỷ đồng)	900.42 ↓	-413.61	-31.48%
Tổng cung (triệu ck)	110.21 ↑	0.00	0.00%
Tổng cầu (triệu ck)	155.51 ↑	0.00	0.00%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	7.17 ↓	-8.47	-54.15%
KL bán (triệu ck)	7.58 ↓	-19.05	-71.54%
Giá trị mua (tỷ đồng)	158.59 ↓	-232.79	-59.48%
Giá trị bán (tỷ đồng)	163.67 ↓	-394.14	-70.66%

Nhận định thị trường:

Động thái của các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới chính là sự kiện được quan tâm nhất trong tuần này. Cuối tuần trước, BoE công bố kế hoạch tiến hành một loạt các biện pháp thanh khoản khẩn cấp và thị trường kỳ vọng BoE sẽ dọn đường cho việc áp dụng QE tại cuộc họp chính sách vào tháng 7. Tương tự như vậy, ở nền kinh tế Mỹ, chủ tịch FED cũng cho rằng FED sẵn sàng nói lỏng chính sách tiền tệ nếu các điều kiện ngày càng tồi tệ.

Trong tuần trước, một số ngân hàng TMCP đã đẩy mức lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng (trở lên) lên mức tương đối cao so với thị trường. Tuy nhiên rất nhanh sau đó, các NHTMCP này đã hạ trở lại mức lãi suất huy động xuống thấp hơn. Chúng tôi cho rằng trong thời điểm hiện tại nguy cơ của đợt sóng chạy đua lãi suất sẽ rất khó xảy ra do NHNN đã có quy định giới hạn lãi suất cho vay với 4 lĩnh vực khuyến khích, theo đó chênh lệch lãi suất cho vay tối đa không quá 3% so với trần lãi suất huy động. Một khi tăng lãi suất huy động, NHTM sẽ bị giảm phần chênh lệch đầu vào – đầu ra, mà theo đó nguồn thu sẽ bị ảnh hưởng nặng nề buộc các NH phải cân nhắc khi tăng lãi suất huy động.

Số liệu mới được NHNN Chi nhánh TPHCM công bố cho thấy tín dụng trên địa bàn đến ngày 15/6 đã tăng gần 2% so với cuối năm 2011; trong khi tiền gửi cũng đã tăng trưởng gần 18%. Gần đây, một số dấu hiệu từ thị trường liên ngân hàng cũng cho thấy vấn đề thiếu vốn ngắn hạn diễn ra cục bộ trong hệ thống ngân hàng. Yếu tố này nếu như không không đi quá mức giới hạn thì sẽ là một yếu tố cho thấy việc giải ngân cho vay bắt đầu triển mạnh hơn thời gian 6 tháng đầu năm.

Đà tăng bị thu hẹp vào cuối phiên kèm theo áp lực bán tăng mạnh là dấu hiệu cho thấy khả năng tăng mạnh của chỉ số hai sàn trong ngắn hạn chưa thực sự thuyết phục. NĐT NN phiên hôm nay hầu như đã ngừng bán ròng là một tín hiệu tốt, tuy nhiên giao dịch của khối ngoại nhìn chung cũng sụt giảm mạnh. Theo đó, trong những phiên sắp tới, diễn biến thị trường sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào dòng tiền trong nước. Chúng tôi cho rằng VN-Index có khả năng tiếp tục dao động trong khoảng 411 – 440 điểm và HNX-Index dao động trong vùng tương ứng là 73 – 77 điểm. Khả năng tăng điểm bền vững trên chỉ số hai sàn sẽ cần phải đi kèm với sự gia tăng mạnh của thanh khoản thị trường.

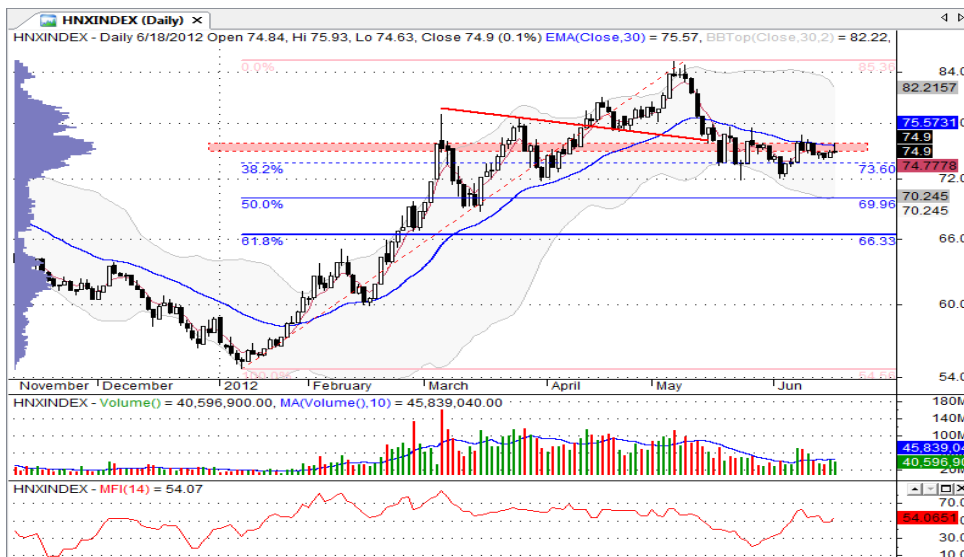
Công Ty CPCI Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	74.90 ↑	0.06	0.08%
KLGD (triệu ck)	47.79 ↓	-6.08	-11.29%
GTGD (tỷ đồng)	493.28 ↓	-70.79	-12.55%
Tổng cung (triệu ck)	82.86 ↑	8.92	12.07%
Tổng cầu (triệu ck)	65.07 ↓	-9.26	-12.46%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.24 ↓	-6.91	-96.70%
KL bán (triệu ck)	0.48 ↓	-1.08	-68.98%
Giá trị mua (tỷ đồng)	3.66 ↓	-80.98	-95.67%
Giá trị bán (tỷ đồng)	6.44 ↓	-13.41	-67.56%



Đồ thị HNX-Index.

Công cụ VOL at PRICE chỉ ra một khu vực kháng cự tương đối mạnh tại 76 – 77 điểm. Thêm một lần nữa, áp lực bán lại gia tăng mạnh tại khu vực này.

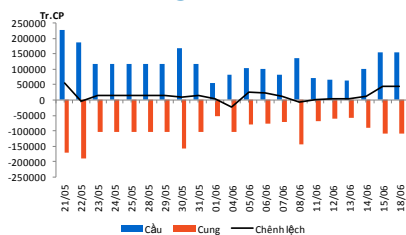
Không hề chịu sức ép từ việc bán ròng của khối ngoại, trái lại việc thay đổi danh mục của ETF lại khiến một số bluechips như PVX, VCG nhận được sức cầu hỗ trợ mạnh, thế nhưng HNX-index vẫn chưa có hy vọng bật tăng mạnh do yếu tố dòng tiền từ trong nước tham gia vào thị trường rất yếu.

Thanh khoản thị trường duy trì mức < 50 triệu đơn vị khớp lệnh mỗi phiên là một tín hiệu không tích cực, cho thấy chưa có khả năng bật mạnh của chỉ số HNX-index. Tuy nhiên, công cụ MFI không còn giảm nữa, thể hiện rằng có khả năng thị trường trong thời gian tích lũy và nếu không có gì đột biến thì nguy cơ giảm mạnh sẽ khó xảy ra.

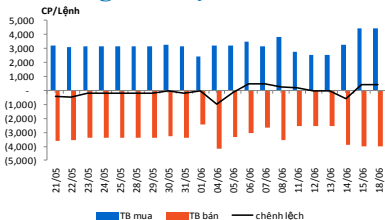
Trong ngắn hạn, HNX_Index có khả năng cao là sẽ dao động trong vùng 73 – 77 điểm. Bất cứ tín hiệu tích cực nào như break out thoát khỏi 77 điểm, hoặc tạo đáy đi lên từ vùng 73 điểm sẽ chỉ đáng tin cậy khi kèm theo sự cải thiện mạnh mẽ từ yếu tố thanh khoản khớp lệnh trên sàn HNX.

HSX:

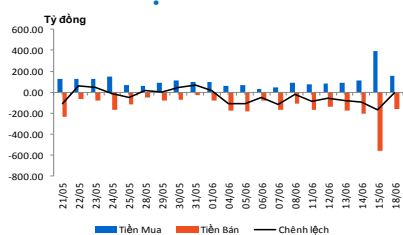
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán

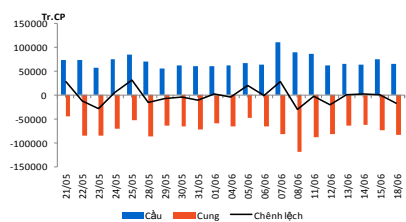


Giao dịch NĐTNN

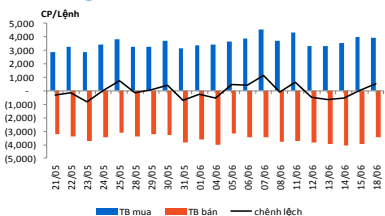


HNX:

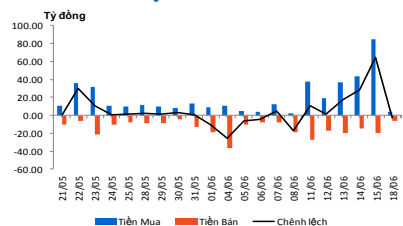
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

15 phút mở cửa, Sàn HOSE tăng điểm nhưng mức tăng cũng bị ảnh hưởng bởi các mã chủ chốt. VN-Index tăng 3.8 điểm, tương ứng 0.88% đạt 436.89 điểm. Toàn sàn có 100 mã tăng giá, 24 mã giảm và 32 mã giao dịch tham chiếu.

Phiên giao dịch buổi sáng, tổng cộng có hơn 140 mã tăng giá tại HOSE, nhưng chỉ có 21 mã tăng trần. Còn lại có 68 mã giảm và 99 mã đứng yên. VN-Index tạm thời tăng nhẹ 2.39 điểm, tức 0.55% đạt 435.48 điểm. Giao dịch tăng lên 41.62 triệu đơn vị, tương đương 619 tỷ đồng, trong đó, ITA, KBC, PVF, STB đã chiếm hơn 9 triệu đơn vị. SSI, MBB, PVF, ITA được khối ngoại thu gom nhiều nhất với hơn 500 ngàn đơn vị mỗi mã.

Kết phiên, sự hỗ trợ của GAS, SSI, VCB, MBB, STB cùng hơn 140 mã chứng khoán lớn nhỏ khác tại HOSE giúp VN-Index tăng nhẹ 2.5 điểm, tương ứng 0.58% đạt 435.59 điểm. Thanh khoản toàn phiên đạt 59 triệu đơn vị, tương đương 900.42 tỷ đồng.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Với đà tăng từ phiên trước, HNX-Index mở cửa ở mức điểm tương đối cao. Tuy nhiên, chỉ sau 15 phút đầu phiên, HNX-Index dần thu hẹp đà tăng. Từ mức tăng hơn 1 điểm, chỉ số rút gọn dần về dưới 0.7 điểm. Giao dịch đạt trên 7.6 triệu đơn vị lúc 9h20, trị giá khoảng 67 tỷ đồng.

Phiên sáng, HNX-Index sau khi tiếp cận ngưỡng 76 điểm và tiến sát ngưỡng kháng cự 77 điểm cũng thu hẹp biên độ tăng và tạm khép lại buổi sáng tại 75.06 điểm, tức chỉ tăng 0.22 điểm, tương ứng 0.29%. Giao dịch đạt 30.4 triệu đơn vị, tương đương 308.57 tỷ đồng. Số mã tăng giảm tiến lại gần nhau hơn, với 99 tăng/80 mã giảm. Còn lại đến 221 mã đứng yên

những phút khởi sắc cuối phiên cũng giúp HNX-Index lấy lại sắc xanh và tăng nhẹ 0.06 điểm, tức 0.08% đạt 74.9 điểm. Giao dịch toàn phiên đạt 47.8 triệu đơn vị, tương đương 493 tỷ đồng. Riêng 5 mã có giao dịch nhiều nhất gồm PVX, VND, SCR, HBB, SHN đã chiếm hơn 16 triệu đơn vị.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 12 cổ phiếu tăng giá, 11 cổ phiếu đứng giá và 5 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVF (tăng 4,62%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PGD (giảm 2,01%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,62% và tổng khối lượng giao dịch đạt 12,566 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 18/06:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	6,000.0	-	→ 0.00	0.53	16.22	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	4,000.0	8,700	↑ 2.56	0.39	36.36	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,900.0	240,600	↑ 1.72	0.34	0.58	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	23,200.0	303,300	↓ -0.43	1.90	1.54	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	13,200.0	71,500	↑ 0.76	1.22	8.35	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,800.0	-	→ 0.00	0.53	3.20	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,600.0	185,900	→ 0.00	0.55	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	16,200.0	68,100	→ 0.00	0.97	2.42	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	11,800.0	23,700	→ 0.00	2.07	5.39	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,600.0	227,300	→ 0.00	0.81	9.06	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,600.0	31,427	→ 0.00	0.80	9.39	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,500.0	4,800	→ 0.00	0.62	3.05	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	16,100.0	939,135	↑ 0.63	1.36	4.30	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	10,600.0	5,090,900	↓ -0.93	0.47	3.98	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,900.0	181,580	↑ 2.16	3.06	12.15	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,800.0	554,150	↓ -0.57	2.08	5.62	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,800.0	15,780	↑ 0.36	1.28	3.38	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,300.0	22,830	→ 0.00	0.71	6.06	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,800.0	610,890	↑ 4.07	0.73	3.15	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	34,100.0	5,470	↓ -2.01	1.67	4.82	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5,900.0	343,410	↑ 1.72	0.58	4.57	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	36,300.0	229,860	↑ 1.11	1.23	7.13	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	13,600.0	2,583,502	↑ 4.62	1.19	17.22	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,900.0	589,310	→ 0.00	0.60	53.64	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,300.0	49,060	↑ 1.39	0.70	4.87	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,700.0	20,910	↑ 1.52	0.61	3.49	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,500.0	145,170	→ 0.00	0.87	3.45	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,800.0	19,030	↓ -1.45	0.62	4.47	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
STB	21,500	22,400	4.19	66,701,821
SSI	22,100	22,400	1.36	51,549,387
KBC	11,900	12,400	4.20	35,335,311
PVF	13,000	13,600	4.62	34,809,642
REE	15,000	15,700	4.67	31,271,309

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SCR	15,000	15,000	0.00	75,978
PVX	10,700	10,600	-0.93	54,928
VND	12,000	12,100	0.83	52,056
PTI	13,000	12,900	-0.77	31,884
KLS	10,600	10,700	0.94	19,972

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,800	1,900	100	5.56
TV1	8,000	8,400	400	5.00
GDT	18,100	19,000	900	4.97
DIG	18,100	19,000	900	4.97
HDG	20,400	21,400	1,000	4.90

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
MAX	10,000	10,700	700	7.00
SAP	8,600	9,200	600	6.98
TSM	7,200	7,700	500	6.94
SGH	81,100	86,700	5,600	6.91
DAC	14,700	15,700	1,000	6.80

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NSC	40,300	38,300	-2,000	-4.96
NBB	37,000	35,200	-1,800	-4.86
VFC	8,300	7,900	-400	-4.82
COM	29,800	28,400	-1,400	-4.70
CMT	6,500	6,200	-300	-4.62

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HCT	7,200	6,700	-500	-6.94
TV3	13,100	12,200	-900	-6.87
CT6	10,200	9,500	-700	-6.86
HAT	19,000	17,700	-1,300	-6.84
VBH	17,700	16,500	-1,200	-6.78

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
SSI	22,036	STB	54,164
HPG	19,882	HPG	17,841
MBB	12,160	REE	16,587
DPM	10,837	KDC	8,963
KDC	10,775	VSH	8,320

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
DBC	1,838	VND	1,488
SQC	404	AAA	1,028
SD7	142	VNR	956
KHL	127	SDT	615
TAS	115	SQC	404

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339